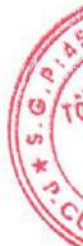


QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 969/QĐ-BHBV ngày 26 tháng 01 năm 2026
của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

LƯU Ý QUAN TRỌNG

Quý khách hàng xin vui lòng kiểm tra và đọc kỹ để chắc chắn rằng Quý khách hàng đã hiểu toàn bộ nội dung được quy định trong Quy tắc bảo hiểm này. Việc Quý khách hàng ký vào Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc xác nhận yêu cầu bảo hiểm điện tử/cung cấp mã xác thực (OTP) là bằng chứng xác nhận việc Quý khách hàng đã hiểu rõ tất cả các nội dung được quy định trong Quy tắc này. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Quý khách hàng vui lòng thông báo ngay cho Bảo Việt để được hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho Quý khách.



MỤC LỤC

PHẦN I: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ.....	2
PHẦN II: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm	3
Điều 2. Thời hạn bảo hiểm và quy định về thanh toán Phí bảo hiểm	4
Điều 3. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bảo Việt	5
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm.....	7
Điều 6. Giám định thiệt hại	9
Điều 7. Hồ sơ bồi thường	9
Điều 8. Bảo hiểm trùng	11
Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện.....	11
PHẦN III: QUY ĐỊNH CỤ THỂ	12
Điều 10. Đối tượng và Phạm vi bảo hiểm.....	12
Điều 11. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	13
Điều 12. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)	14
Điều 13. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm	14
Điều 14. Mức khấu trừ	16
Điều 15. Giảm trừ bồi thường	16
PHẦN IV: ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG	18
Điều 16. Bảo hiểm sửa chữa xe tại garage chính hãng (BVVC01)	18
Điều 17. Bảo hiểm xe bị ngập nước (BVVC02)	18
Điều 18. Bảo hiểm mất cắp bộ phận (BVVC03)	19
Điều 19. Bảo hiểm thanh toán chi phí thuê xe (BVVC04)	19
Điều 20. Bảo hiểm bồi thường theo giới hạn trách nhiệm (BVVC05)	19
Điều 21. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (BVVC06).....	20
Điều 22. Các điều khoản bổ sung khác	20

PHẦN I: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô này, các thuật ngữ “in đậm” được hiểu như sau:

1. **Bảo Việt:** là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. **Bên mua bảo hiểm:** là tổ chức hoặc cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.
3. **Cháy:** là phản ứng hóa học có sự tỏa nhiệt và phát sáng giữa chất cháy và oxy trong không khí.
4. **Giá thị trường:** là giá mua bán của chiếc xe tương tự (cùng năm sản xuất, cùng hãng, cùng mẫu xe, cùng mục đích sử dụng, trường hợp có nhiều mức giá khác nhau có thể xác định một cách hợp lý trên cơ sở giá tương đồng theo chọn mẫu) được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định Giá thị trường của xe được bảo hiểm.
5. **Giấy chứng nhận kiểm định:** là Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
6. **Giấy yêu cầu bảo hiểm:** là tài liệu theo mẫu của Bảo Việt, dùng để Bên mua bảo hiểm cung cấp thông tin khi yêu cầu bảo hiểm. Bảo Việt thực hiện quy trình xác lập yêu cầu bảo hiểm dưới hai hình thức: bản cứng và điện tử.
 - **Giấy yêu cầu bảo hiểm (bản cứng)** là tài liệu được Người yêu cầu bảo hiểm điền đầy đủ thông tin theo mẫu và ký xác nhận trực tiếp khi yêu cầu bảo hiểm.
 - **Yêu cầu bảo hiểm điện tử:** Bảo Việt sẽ thu thập thông tin của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện hợp pháp thông qua trao đổi trực tuyến/trực tiếp và nhập liệu vào hệ thống. Tiếp theo, Bảo Việt sẽ gửi đến Người yêu cầu bảo hiểm Thông tin yêu cầu bảo hiểm ô tô, bao gồm chi tiết các Điều khoản bảo hiểm và Thông tin bảo hiểm dự kiến. Yêu cầu bảo hiểm điện tử của Người yêu cầu bảo hiểm được xem là hợp lệ và có giá trị pháp lý tương đương như việc ký vào giấy yêu cầu bảo hiểm bản cứng khi Người yêu cầu bảo hiểm thực hiện một trong các hành động sau:
 - + Ấn xác nhận trên giao diện trang thông tin yêu cầu bảo hiểm ô tô được gửi đến Người yêu cầu bảo hiểm.
 - + Gửi lại mã xác nhận (OTP) cho Bảo Việt để cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.
7. **Hợp đồng bảo hiểm:** có ý nghĩa như được định nghĩa tại Điều 1 của Phần II của Quy tắc bảo hiểm này.
8. **Người điều khiển xe:** Là Người lái xe được bảo hiểm với sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm.
9. **Người được bảo hiểm:** Là cá nhân hoặc tổ chức có thông tin được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.
10. **Nổ:** là hiện tượng cháy xảy ra với tốc độ nhanh, khiến hỗn hợp khí xung quanh giãn nở đột biến và sinh công gây nổ. Định nghĩa này không bao gồm nổ lý học, tức là các trường

hợp nổ do áp suất trong một thể tích tăng lên quá cao, vượt quá khả năng chịu đựng của thể tích đó.

11. **Phí bảo hiểm:** là khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm phải thanh toán cho Bảo Việt theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.
12. **Thời gian sử dụng xe:** là khoảng thời gian tính từ tháng, năm đăng ký xe đến tháng, năm bắt đầu hiệu lực bảo hiểm và quy đổi ra số năm. Tháng, năm đăng ký xe được quy định cụ thể như sau:
 - Trường hợp trên Giấy đăng ký xe xác định được thời điểm đăng ký lần đầu thì lấy theo thông tin đăng ký lần đầu trên Giấy đăng ký xe.
 - Trường hợp trên Giấy đăng ký xe không thể hiện thời điểm đăng ký lần đầu, xác định như sau:
 - + Trường hợp (năm đăng ký) trừ (năm sản xuất) $\leq$ hai (02): lấy theo thông tin thời gian đăng ký trên Giấy đăng ký xe.
 - + Trường hợp (năm đăng ký) trừ (năm sản xuất) $>$ hai (02): tháng, năm đăng ký được tính từ tháng sáu (06) của năm sản xuất.
13. **Trọng tải:** là khối lượng hàng chuyên chở (CC) hoặc khối lượng kéo theo (KT) theo thiết kế/cho phép tham gia giao thông, được quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định. Trong trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định quy định cả trọng tải theo thiết kế và trọng tải cho phép tham gia giao thông, Trọng tải sẽ được xác định theo giá trị cho phép tham gia giao thông.
14. **Xe ô tô/Xe:** là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, và xe máy điện và được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
15. **Xe đang hoạt động:** là trạng thái động cơ xe ô tô đang được vận hành và/hoặc có sự điều khiển của Lái xe (bao gồm xe đang di chuyển, dừng xe hoặc vận hành các thiết bị chuyên dùng trên xe).
16. **Thiên tai:** là hiện tượng tự nhiên bất thường gây thiệt hại về người và tài sản. Trong Quy tắc này các hiện tượng thiên tai bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn gây ngập lụt, lũ, lũ quét, mưa đá, động đất, sóng thần, sạt lở hoặc sụt lún đất do mưa lũ.

PHẦN II: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô là sự thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và Bảo Việt, theo đó Bên mua bảo hiểm phải đóng Phí bảo hiểm, Bảo Việt phải bồi thường cho Người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, được lập thành văn bản và được cấu thành bởi các tài liệu sau (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng bảo hiểm”):

- 1.1. Giấy yêu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện hợp pháp của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm (nếu có);
- 1.2. Quy tắc bảo hiểm này;
- 1.3. Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm;

- 1.4. (Các) thỏa thuận hợp đồng bằng văn bản khác (nếu có). Áp dụng cho các trường hợp Bên mua bảo hiểm và Bảo Việt ký kết một văn bản hợp đồng chi tiết, đầy đủ;
- 1.5. (Các) điều khoản sửa đổi, bổ sung (nếu có) là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm, được lập thành văn bản để sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp đồng bảo hiểm.

Lưu ý: Ưu tiên áp dụng Điều khoản Hợp đồng Bảo hiểm

Quy tắc bảo hiểm cung cấp các quy định và điều kiện chung. Tuy nhiên, trong trường hợp có sự khác biệt hoặc cần làm rõ, các thông tin, điều khoản và điều kiện cụ thể được ghi nhận tại Giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm (bằng văn bản ký kết), hoặc Phụ lục hợp đồng (nếu có) sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều này cũng có nghĩa, Quy tắc bảo hiểm có thể chứa nhiều điều khoản bổ sung, nhưng chỉ những điều kiện được quy định rõ ràng và cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm hoặc Phụ lục hợp đồng mới có hiệu lực và được bảo hiểm theo Hợp đồng.

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm và quy định về thanh toán Phí bảo hiểm

2.1. Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “Thời hạn bảo hiểm”).

2.2. Hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực với điều kiện là Bên mua bảo hiểm đã thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm, trừ trường hợp Bảo Việt có thỏa thuận khác bằng văn bản với Bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán Phí bảo hiểm.

2.3. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm và không có bất kỳ thỏa thuận về thời hạn thanh toán Phí bảo hiểm quy định tại Khoản 2.2 của Điều này thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực.

2.4. Trong Thời hạn bảo hiểm, trường hợp có sự chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới và chấm dứt hiệu lực với chủ xe cũ, trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

3.1. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm vì vi phạm thời hạn thanh toán theo Khoản 2.3 của Điều 2 Quy tắc bảo hiểm này:

3.1.1. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày kế tiếp ngày Bên mua bảo hiểm phải thanh toán Phí bảo hiểm theo quy định đã thỏa thuận tại Hợp đồng giao kết ban đầu, nhưng Bên mua bảo hiểm không thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm và Bảo Việt không có thỏa thuận cho Bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định pháp luật.

3.1.2. Bên mua bảo hiểm phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, Bảo Việt sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần Phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) hoặc yêu cầu Bên mua bảo hiểm thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm từ thời điểm bắt đầu hiệu lực bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Bảo Việt không hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã phát sinh trách nhiệm bồi thường.

3.1.3. Hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm thanh toán đủ phí bảo hiểm và phải được Bảo Việt chấp thuận bằng văn bản. Thời điểm Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực được quy định trên văn bản chấp thuận.

3.2. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm:

3.2.1. Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia, trong đó xác định rõ thời điểm chấm dứt của Hợp đồng bảo hiểm. Nếu văn bản thông báo không xác định rõ thời điểm chấm dứt của Hợp đồng bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt vào thời điểm bên còn lại nhận được văn bản thông báo đó.

3.2.2. Trường hợp Bên mua bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho Bảo Việt. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên mua bảo hiểm, Bảo Việt phải hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm bảy mươi phần trăm (70%) Phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Bảo Việt không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm và phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trước khi Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt.

3.2.3. Đối với Hợp đồng bảo hiểm cho nhóm xe, việc hoàn phí được xem xét theo từng xe: trường hợp xe thuộc hợp đồng nhóm chưa phát sinh trách nhiệm bồi thường thì được áp dụng hoàn phí theo tỷ lệ quy định tại điểm 3.2.2 trên đây.

3.2.4. Trường hợp Bảo Việt đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bảo Việt thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm, Bảo Việt phải hoàn lại một trăm phần trăm (100%) Phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

3.3. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bảo Việt

4.1. Bảo Việt có quyền:

4.1.1. Thu Phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

4.1.2. Kiểm tra, đánh giá tình trạng xe, yêu cầu Bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.

4.1.3. Từ chối bồi thường cho Người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

4.1.4. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế thiệt hại theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.1.5. Bảo Việt có quyền truy đòi số tiền bảo hiểm đã bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với chiếc xe ô tô được bảo hiểm, nếu tổn thất đó do hành vi gây thiệt hại của người thứ ba gây ra, hoặc khấu trừ số tiền bồi thường tùy thuộc vào mức độ lỗi của người được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm từ chối chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi thường.

4.1.6. Giảm trừ số tiền bồi thường trong trường hợp Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe vi phạm các quy định trong Khoản 5.2, Điều 5 của Quy tắc bảo hiểm này. Mức giảm trừ quy định trong Quy tắc bảo hiểm này hoặc trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

4.1.7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Bảo Việt có nghĩa vụ:

4.2.1. Giải thích cho Bên mua bảo hiểm về điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm.

4.2.2. Cấp cho Bên mua bảo hiểm Giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm sau khi giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

4.2.3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ từ Người được bảo hiểm; không quá ba mươi (30) ngày trong trường hợp Bảo Việt phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp Bảo Việt không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bảo Việt có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Bảo Việt phải chủ động tiến hành xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.

4.2.4. Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo Việt phải gửi văn bản nêu lý do từ chối bồi thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bảo Việt nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hoặc có đủ căn cứ từ chối bồi thường.

4.2.5. Đối với những vụ tai nạn nghiêm trọng (giá trị thiệt hại từ năm mươi phần trăm (50%) số tiền bảo hiểm, hoặc theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm giữa các bên), khi có yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Bảo Việt sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả thiệt hại.

4.2.6. Bảo Việt có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

4.2.7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

5.1. Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có quyền:

5.1.1. Yêu cầu cung cấp thông tin và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm: Yêu cầu Bảo Việt giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Đơn bảo hiểm.

5.1.2. Yêu cầu bồi thường: Yêu cầu Bảo Việt bồi thường theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

5.1.3. Chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm: Chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật.

5.1.4. Các quyền khác: Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có nghĩa vụ:

5.2.1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ: Đóng Phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

5.2.2. kê khai/cung cấp trung thực: Khi yêu cầu bảo hiểm, phải cung cấp/kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc theo yêu cầu cung cấp thông tin của Bảo Việt bằng các hình thức trao đổi thông tin khác.

5.2.3. Hợp tác kiểm tra xe: Tạo điều kiện thuận lợi để Bảo Việt xem xét tình trạng xe trước khi hai bên giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

5.2.4. Thông báo thay đổi liên quan đến rủi ro: Khi có bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến chiếc xe ô tô được bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động, hoặc thay đổi chủ sở hữu của xe được bảo hiểm), Bên mua bảo

hiểm/Người được bảo hiểm phải thông báo cho Bảo Việt trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi đó. Việc thông báo cần được thực hiện bằng văn bản hoặc hình thức điện tử được Bảo Việt chấp nhận. Sau khi nhận được thông báo, Bảo Việt sẽ chủ động đánh giá tác động của sự thay đổi đối với mức độ rủi ro được bảo hiểm và sẽ thông báo kết quả đánh giá cùng các đề xuất điều chỉnh phí bảo hiểm (nếu có) đến Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm:

a) Trường hợp rủi ro được đánh giá là giảm: Nếu kết quả đánh giá cho thấy rủi ro được bảo hiểm giảm, Bảo Việt sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm về việc có chấp thuận giảm Phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm hay không, và mức giảm cụ thể (nếu có). Trong trường hợp Bảo Việt không chấp thuận giảm Phí bảo hiểm, hoặc Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm không đồng ý với mức giảm phí được Bảo Việt đề xuất, Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 3.2, Điều 3 của Quy tắc bảo hiểm này.

b) Trường hợp rủi ro được đánh giá là tăng: Nếu kết quả đánh giá cho thấy rủi ro được bảo hiểm tăng, Bảo Việt sẽ tính toán và thông báo về việc tăng Phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm không chấp nhận mức Phí bảo hiểm tăng thêm, Bảo Việt có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 3.2, Điều 3 của Quy tắc bảo hiểm này.

5.2.5. Tuân thủ pháp luật giao thông: Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

5.2.6. Nghĩa vụ khi xảy ra thiệt hại: Khi xảy ra thiệt hại, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe phải có nghĩa vụ:

a) Thông báo ngay và bảo vệ hiện trường: Thông báo ngay cho Tổng đài dịch vụ chăm sóc khách hàng của Bảo Việt (trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra thiệt hại hoặc ngay khi có thể, trừ trường hợp bất khả kháng) để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, giữ nguyên hiện trường tai nạn; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).

b) Không tự ý di chuyển/sửa chữa tài sản: Không được di chuyển, tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Việt (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

c) Thông báo bằng văn bản: Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra thiệt hại (trừ trường hợp bất khả kháng) phải thông báo thiệt hại bằng văn bản cho Bảo Việt hoặc các hình thức khác theo quy định của Bảo Việt.

5.2.7. Trung thực và hợp tác trong hồ sơ bồi thường: Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo Việt trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

5.2.8. Bảo lưu quyền thế quyền: Trường hợp thiệt hại xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe phải thực hiện các biện pháp để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo Việt kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo Việt để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Bảo Việt bồi thường.

5.2.9. Bàn giao tài sản thay thế: Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được Bảo Việt chấp thuận bồi thường, Người được bảo hiểm sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho Bảo Việt.

5.2.10. Thông báo mất trộm/cướp toàn bộ xe: Khi xe ô tô bị mất trộm hoặc mất cướp toàn bộ, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải thông báo ngay (trong vòng 24 giờ) cho cơ quan Công an và Bảo Việt được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan Công an và Bảo Việt.

5.2.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám định thiệt hại

6.1. Khi xảy ra tai nạn, Bảo Việt hoặc người được Bảo Việt ủy quyền thực hiện việc giám định thiệt hại về tài sản với sự có mặt của Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Bảo Việt chịu trách nhiệm về chi phí giám định thiệt hại.

6.2. Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, có thể thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Tòa án nơi xảy ra thiệt hại hoặc nơi cư trú của Người được bảo hiểm chỉ định giám định độc lập. Kết luận của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

6.3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của Bảo Việt, Bảo Việt phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của Bảo Việt, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe phải trả chi phí giám định độc lập.

6.4. Trong trường hợp đặc biệt, Bảo Việt không thể thực hiện được việc giám định thì Bảo Việt có trách nhiệm hướng dẫn Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

7.1. Tài liệu do Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm cung cấp:

7.1.1. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của Bảo Việt).

7.1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có xác nhận của nhân viên Bảo Việt sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:

- a) Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có).
- b) Giấy đăng ký xe (có thể sử dụng bản sao còn hiệu lực của ngân hàng/các tổ chức tín dụng trong trường hợp ngân hàng/ các tổ chức tín dụng đang giữ Giấy đăng ký xe), Giấy phép lái xe của người điều khiển xe bị thiệt hại.
- c) Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, ủy quyền sử dụng xe (nếu có).
- d) Giấy chứng nhận kiểm định còn thời hạn hiệu lực (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).

Riêng đối với Giấy phép lái xe và Giấy chứng nhận kiểm định, Bảo Việt chấp nhận bản vật lý còn hiệu lực hoặc thông tin đã được xác thực trên ứng dụng VNeID hoặc tra cứu trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị tương đương.

7.1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:

- a) Chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại.
- b) Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Người được bảo hiểm đã chi ra để giảm thiểu thiệt hại hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Bảo Việt.

7.1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải).

7.1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).

7.1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho Bảo Việt đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà Người được bảo hiểm đã được Bảo Việt nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc đã giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

7.2. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:

- 7.2.1. Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có).
- 7.2.2. Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có).
- 7.2.3. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có).
- 7.2.4. Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có).
- 7.2.5. Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có).
- 7.2.6. Kết luận định giá tài sản (nếu có).

7.3. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (trường hợp thiệt hại xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba):

- 7.3.1. Tài liệu liên quan đến lỗi và trách nhiệm của người thứ ba.
- 7.3.2. Tài liệu liên quan đến việc thế quyền của Người được bảo hiểm.

7.3.3. Biên bản giải quyết với bên thứ 3 (nếu có).

7.4. Biên bản giám định nguyên nhân và mức độ thiệt hại được các bên thống nhất.

7.5. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

7.6. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ thì người được bảo hiểm, Người điều khiển xe cần cung cấp các tài liệu sau:

7.6.1. Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan Công an có xác nhận của cơ quan Công an.

7.6.2. Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm.

7.6.3. Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm.

7.6.4. Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan Công an.

Điều 8. Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp Bên mua bảo hiểm giao kết từ hai hợp đồng bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, cùng phạm vi và sự kiện bảo hiểm, mà tổng số tiền bảo hiểm vượt quá giá trị thực tế của xe ô tô được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra thiệt hại. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm có nhiều hơn một Hợp đồng bảo hiểm vật chất cho cùng một xe, Bảo Việt sẽ giải quyết bồi thường theo nguyên tắc sau:

8.1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng lặp: Bảo Việt sẽ chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hợp đồng mà Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm đã giao kết cho cùng một đối tượng.

8.2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng lặp: Bảo Việt sẽ chịu trách nhiệm bồi thường theo từng Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

9.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm là một (01) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu bồi thường. Nếu quá thời hạn này, mọi khiếu nại không còn giá trị.

9.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Bảo Việt là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm nhận được thông báo bồi thường của Bảo Việt. Quá thời hạn nêu trên, Bảo Việt sẽ không giải quyết khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, dịch bệnh hoặc những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

9.3. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là ba (03) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Quá thời hạn trên quyền khởi kiện không còn giá trị.

9.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu Bảo Việt và Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải sẽ được đưa ra các cơ quan trọng tài hoặc Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

PHẦN III: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Đối tượng và Phạm vi bảo hiểm

10.1. Đối tượng bảo hiểm:

Bảo Việt nhận bảo hiểm thiệt hại vật chất xe ô tô, bao gồm: thiệt hại vật chất của xe ô tô được định danh theo biển số đăng ký hay số khung và số máy (đối với xe chưa hoàn tất thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật, hoặc các phương tiện chỉ hoạt động trong các khu vực hạn chế được quản lý bằng số khung, số máy/ký hiệu) xảy ra do những tai nạn bất ngờ ngoài sự kiểm soát của chủ xe/lái xe trong những trường hợp được quy định tại phạm vi bảo hiểm và không rơi vào điểm loại trừ bảo hiểm.

10.2. Phạm vi bảo hiểm:

Bảo Việt nhận bảo hiểm và sẽ bồi thường cho những thiệt hại vật chất đối với xe ô tô được bảo hiểm do các rủi ro sau gây ra:

10.2.1. Đâm, va chạm với vật thể khác từ bên ngoài (không bao gồm thiệt hại phát sinh từ chính các bộ phận của xe bị bật ra, rơi rớt hoặc hư hỏng tự thân va chạm với các bộ phận khác của xe ô tô), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe ô tô, cháy, nổ, hỏa hoạn.

10.2.2. Những tai họa bất khả kháng do thiên tai gây ra.

10.2.3. Mất cắp, mất cướp toàn bộ xe.

10.2.4. Hành vi gây thiệt hại của người không liên quan đến quyền lợi bảo hiểm hoặc do động vật gây ra.

10.2.5. Gãy vỡ, biến dạng thiết bị chuyên dùng: Thiệt hại gãy vỡ, biến dạng đối với các thiết bị chuyên dùng (không bao gồm thiết bị điện tử) của xe ô tô trong quá trình vận hành, hoạt động theo đúng chức năng thiết kế (bao gồm thiết bị chuyên dùng làm hỏng xe).

Bảo Việt không bồi thường thiệt hại đối với xe ô tô gây ra bởi các rủi ro không được quy định tại khoản 10.2 Điều này.

10.3. Ngoài số tiền bồi thường, Bảo Việt còn thanh toán cho Người được bảo hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Bảo Việt khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí:

10.3.1. Chi phí ngăn ngừa hạn chế thiệt hại phát sinh thêm.

10.3.2. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất/hoặc garage sửa chữa của đại lý bán xe tối đa không vượt quá mười phần trăm (10%) số tiền bảo hiểm của xe đó.

Điều 11. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Bảo Việt không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

11.1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.

11.2. Tại thời điểm xe ô tô xảy ra thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực (Không áp dụng đối với: xe mới chờ đăng kiểm và không quá 30 ngày kể từ ngày bảo hiểm có hiệu lực).

11.3. Tại thời điểm xảy ra thiệt hại, người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe còn hiệu lực phù hợp với loại xe đang điều khiển do cơ quan có thẩm quyền cấp, Người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn. Tuy nhiên, điều khoản này sẽ không áp dụng nếu:

- + Người điều khiển xe không thể xuất trình Giấy phép lái xe nhưng có bằng chứng chứng minh Giấy phép lái xe đó vẫn còn hiệu lực và phù hợp với loại xe đang điều khiển vào thời điểm xảy ra thiệt hại.
- + Học viên học lái xe trên xe tập lái (xe có phanh phụ và có giáo viên dạy lái), thi tuyển lái xe trên xe sát hạch.

11.4. Người điều khiển xe lái xe trong tình trạng trong cơ thể có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở hoặc có chất ma túy, chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.

11.5. Điều khiển xe đi ngược chiều trên đường có biển báo "Cấm đi ngược chiều"; Điều khiển xe rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm (có biển báo cấm); Người điều khiển xe không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông (không áp dụng đối với trường hợp tuân thủ theo hiệu lệnh của Người điều khiển giao thông); Điều khiển xe ban đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc không bật thiết bị chiếu sáng theo quy định của pháp luật.

11.6. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép) hoặc kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.

11.7. Chở hàng hóa nguy hiểm không có Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

11.8. Thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

11.9. Thiệt hại xảy ra trong những trường hợp chiến tranh, khủng bố.

11.10. Thiệt hại và hỏng hóc trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử). Không áp dụng đối với rủi ro hỏa hoạn hoặc những rủi ro khác trong quá trình sửa chữa ngoài lỗi của cơ sở sửa chữa.

11.11. Thiệt hại hệ thống điện, động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (kể cả trường hợp do thiên tai gây ra). Không áp dụng loại trừ này đối với trường hợp xe bị tai nạn bất ngờ đâm xuống ao, hồ, sông, suối.

11.12. Thiệt hại bộ phận riêng lẻ: Thiệt hại đối với thiết bị điện tử, sấm lốp, bạt thùng xe, nhãn mác, chìa khóa xe, tấm ốp gầm trừ trường hợp thiệt hại xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.

11.13. Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (đối với xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp).

11.14. Xe chở/kéo theo quá năm mươi phần trăm (50%) trọng tải quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định.

11.15. Thiệt hại đối với các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị nguyên bản do nhà sản xuất lắp ráp, trừ các thiết bị mang tính chất bảo vệ xe (như cản trước, cản sau). Trường hợp Bên mua bảo hiểm có nhu cầu bảo hiểm các thiết bị lắp thêm này, cần kê khai chi tiết và có văn bản chấp thuận của Bảo Việt.

Điều 12. Số tiền bảo hiểm và giá trị xe (giá thị trường)

12.1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu Bảo Việt bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm và không lớn hơn giá thị trường của xe được bảo hiểm tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “Số tiền bảo hiểm”).

12.2. Bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe được bảo hiểm.

12.3. Bảo Việt xác định giá trị của xe ô tô tham gia bảo hiểm như sau:

12.3.1. Đối với xe mới một trăm phần trăm (100%), giá trị của xe là giá bán xe (bao gồm VAT) do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.

12.3.2. Đối với xe đã qua sử dụng, giá trị của xe là Giá thị trường của xe tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

12.4. Trong mọi trường hợp số tiền bồi thường không vượt quá Số tiền bảo hiểm và không vượt quá giá trị thị trường của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất.

Điều 13. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

13.1. Bồi thường thiệt hại bộ phận:

13.1.1. Bảo Việt chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý và hợp lệ để sửa chữa, thay thế bộ phận (trường hợp không thể sửa chữa đảm bảo an toàn kỹ thuật khi vận hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất); Hoặc trả bằng tiền cho Người được bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm sau khi áp dụng mức giảm trừ, khấu trừ (nếu có). Trường hợp Bảo Việt bảo lãnh thanh toán chi phí

sửa xe, Người được bảo hiểm không nhận tiền bồi thường trực tiếp từ Bảo Việt thì Bảo Việt sẽ thanh toán trực tiếp cho bên sửa chữa.

13.1.2. Cách xác định Số tiền bồi thường:

a) Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, Số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa Số tiền bảo hiểm và Giá thị trường của xe tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

b) Trường hợp xe được bảo hiểm bằng giá trị, Số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị thiệt hại.

c) Riêng thiệt hại đối với các bộ phận gồm săm (ruột), lốp (vỏ), bạt, ắc quy mức bồi thường như sau:

- Xe kinh doanh vận tải: năm mươi phần trăm (50%) giá trị bộ phận thay thế mới.
- Xe không kinh doanh vận tải: tám mươi phần trăm (80%) giá trị bộ phận thay thế mới.

d) Thiệt hại đối với Pin xe điện: Trong trường hợp tổn thất dẫn đến phải thay thế Pin, Bảo Việt áp dụng mức khấu trừ tương ứng với mức khấu hao theo thời gian sử dụng của Pin. Mức độ khấu hao sẽ tùy thuộc vào loại pin của các hãng xe và thời gian Pin đã sử dụng. Bảo Việt sẽ quy định cụ thể mức khấu trừ cụ thể (nếu có) trong Hợp đồng bảo hiểm.

13.2. Bồi thường thiệt hại toàn bộ:

13.2.1. Bảo Việt bồi thường thiệt hại toàn bộ trong các trường hợp:

a) Chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị thiệt hại trên bảy mươi lăm phần trăm (75%) Giá trị thị trường của xe tại thời điểm, nơi xảy ra thiệt hại.

b) Xe bị mất trộm/mất cướp khi có thông báo/quyết định của cơ quan Công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.

13.2.2. Số tiền bồi thường thiệt hại toàn bộ bằng Giá trị thị trường của xe tại thời điểm, nơi xảy ra thiệt hại và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.

13.3. Thu hồi tài sản sau bồi thường:

Khi Bảo Việt đã bồi thường thiệt hại bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của Bảo Việt, cụ thể:

13.3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, Bảo Việt có quyền thu hồi các bộ phận được thay thế. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn môi trường, Bảo Việt sẽ phối hợp với các đối tác/cơ sở sửa chữa để xử lý tài sản hư hỏng đảm bảo an toàn.

13.3.2. Đối với trường hợp bồi thường thiệt hại toàn bộ, Bảo Việt có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại sau khi đã trả tiền bồi thường. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì Bảo Việt thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Người được bảo hiểm yêu cầu nhận lại chiếc xe bị thiệt hại toàn bộ, Bảo Việt sẽ giảm số tiền bồi thường tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị thiệt hại theo định giá của Bảo Việt.

13.3.3. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì Bảo Việt được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

13.4. Nguyên tắc áp dụng giảm trừ bồi thường và khấu trừ: Trường hợp vụ thiệt hại bị đồng thời giảm trừ tại Điều 15, khấu trừ tại Điều 14 và theo quy định tại Phần IV của điều khoản bổ sung thì áp dụng khấu trừ riêng của điều khoản bổ sung trước, sau đó áp dụng giảm trừ theo Điều 15 và cuối cùng áp dụng khấu trừ chung (Điều 14.1) được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.

Điều 14. Mức khấu trừ

Mức khấu trừ là số tiền mà Người được bảo hiểm sẽ phải tự chịu đối với mỗi vụ tổn thất. Mức khấu trừ bao gồm Mức khấu trừ chung và Mức khấu trừ quy định riêng trong các điều khoản bổ sung.

14.1. Mức khấu trừ chung là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại Bảo Việt. Bảo Việt áp dụng Mức khấu trừ chung tối thiểu là năm trăm ngàn đồng (500.000 đồng)/vụ tổn thất. Trường hợp áp dụng Mức khấu trừ khác, Mức khấu trừ sẽ được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

14.2. Mức khấu trừ riêng theo điều khoản bổ sung. Trường hợp Bên mua bảo hiểm tham gia thêm các điều khoản bổ sung bao gồm nhưng không giới hạn như điều khoản bảo hiểm xe bị ngập nước, điều khoản bảo hiểm mất cắp bộ phận, điều khoản bảo hiểm thanh toán chi phí thuê xe. Bảo Việt sẽ áp dụng mức khấu trừ riêng tại các điều khoản bổ sung này, được quy định cụ thể trong Quy tắc bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

14.3. Khi xảy ra thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm, Bảo Việt sẽ thanh toán bồi thường và áp dụng Mức khấu trừ trên mỗi vụ tổn thất, cụ thể như sau:

- Thiệt hại xe nhỏ hơn hoặc bằng mức khấu trừ, Bảo Việt không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại (Người được bảo hiểm tự gánh chịu thiệt hại);
- Thiệt hại trên Mức khấu trừ, thì số tiền bồi thường bảo hiểm bằng (=) thiệt hại trừ (-) Mức khấu trừ;

Điều 15. Giảm trừ bồi thường

Bảo Việt có quyền thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ tùy thuộc vào mức độ vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm 5.2 Điều 5 Quy tắc này của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe, bao gồm một số trường hợp sau đây:

15.1. Giảm mười phần trăm (10%) số tiền bồi thường trong các trường hợp khi xảy ra tai nạn Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe:

a) Không gửi Thông báo thiệt hại (bằng văn bản) cho Bảo Việt trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra thiệt hại (trừ hợp bất khả kháng hoặc thông báo bằng hình thức khác được Bảo Việt chấp nhận).

b) Không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản.

c) Không giữ nguyên hiện trường thiệt hại, tự ý di chuyển khỏi hiện trường mà chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Việt (trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn hoặc phải thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chức năng).

d) Dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ xe nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”.

e) Điều khiển xe đi vào đường dành riêng cho xe buýt/xe điện, đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển (không bao gồm biển báo “Cấm đi ngược chiều”).

15.2. Giảm hai mươi lăm phần trăm (25%) số tiền bồi thường trong các trường hợp Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe:

a) Tự ý tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Việt (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

b) Lái xe vượt quá tốc độ cho phép từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng hoặc có bằng chứng khác xác định mức vượt quá từ 20% trở lên.

15.3. Giảm từ hai mươi lăm phần trăm (25%) đến chín mươi phần trăm (90%) số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe trong các trường hợp sau:

a) Không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo Việt kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác với Bảo Việt để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho Bảo Việt. Trường hợp thiệt hại hoàn toàn do lỗi của bên thứ ba mà chủ xe không bảo lưu và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo Việt, Bảo Việt sẽ khấu trừ toàn bộ số tiền bồi thường theo quy định tại khoản 4.1.5 Điều 4 Quy tắc này.

b) Không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường. Người điều khiển xe không tạo điều kiện cho cơ quan chức năng xác định nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở.

c) Không tạo điều kiện thuận lợi, gây khó khăn cho Bảo Việt trong quá trình giám định, xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

15.4. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) chở/kéo theo quá trọng tải (từ trên hai mươi phần trăm (20%) đến năm mươi phần trăm (50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định).

15.5. Giảm số tiền bồi thường đến năm mươi phần trăm (50%) trong trường hợp:

a) Bên mua bảo hiểm kê khai/xác nhận yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu phí không đúng.

b) Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm không thông báo cho Bảo Việt trong trường hợp có sự thay đổi liên quan đến chiếc xe ô tô được bảo hiểm theo quy định tại điểm 5.2 Điều 5 - Quy tắc bảo hiểm này.

15.6. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường: trường hợp Người được bảo hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau theo các quy định tại Điều 15 của Quy tắc này, Bảo Việt sẽ áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

PHẦN IV: ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Ngoài các quy định tại Phần I, Phần II, Phần III của Quy tắc bảo hiểm này, Bảo Việt sẽ cung cấp các điều khoản bổ sung để Bên mua bảo hiểm lựa chọn, nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu bảo hiểm. Các điều khoản bổ sung này chỉ áp dụng khi xe đã tham gia bảo hiểm vật chất ô tô theo Quy tắc bảo hiểm này. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn một hoặc nhiều điều khoản bổ sung, và nộp phí bảo hiểm tương ứng để tăng thêm quyền lợi hoặc được giảm phí bảo hiểm (nếu có). Các điều khoản bổ sung quy định trong Phần IV của Quy tắc bảo hiểm này chỉ có hiệu lực khi được ghi rõ trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm. Điều này dựa trên yêu cầu của Bên mua bảo hiểm và việc chấp thuận nộp thêm phí bảo hiểm hoặc được giảm phí bảo hiểm. Các điều khoản bổ sung bao gồm:

Điều 16. Bảo hiểm sửa chữa xe tại garage chính hãng (BVVC01)

Với yêu cầu và việc chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, xe bị thiệt hại vật chất sẽ được sửa chữa tại xưởng (garage) chính hãng (là garage được ủy quyền của hãng sản xuất). Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 17. Bảo hiểm xe bị ngập nước (BVVC02)

Với yêu cầu và việc chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, Bảo Việt nhận bảo hiểm thiệt hại vật chất ô tô theo những quy định sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định loại trừ thiệt hại hệ thống điện, động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước tại khoản 11.11 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm này;
- Mở rộng phạm vi bảo hiểm để chi trả cho các tổn thất đối với:
 - + Đối với xe sử dụng động cơ đốt trong (xe xăng/dầu): Thiệt hại về động cơ hoặc hư hỏng về hệ thống điện và các bộ phận liên quan do xe hoạt động trong vùng ngập nước.
 - + Đối với xe điện: Thiệt hại về Pin, động cơ điện hoặc bộ điều khiển (Motor Control Unit - MCU) do xe hoạt động trong vùng ngập nước.
- Mức khấu trừ/vụ áp dụng riêng cho điều khoản xe bị ngập nước là mười phần trăm (10%) số tiền bồi thường phần tổn thất thuộc phạm vi mở rộng, và không thấp hơn ba triệu đồng (3.000.000 đồng).

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 18. Bảo hiểm mất cắp bộ phận (BVVC03)

Với yêu cầu và việc chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý mở rộng phạm vi bảo hiểm để chi trả cho Người được bảo hiểm những thiệt hại đối với các bộ phận gắn liền với xe theo thiết kế của nhà sản xuất (không bao gồm chìa khóa xe, remote điều khiển) do bị mất cắp, mất cướp. Giới hạn số lần bồi thường cho các vụ mất cắp, mất cướp không vượt quá:

- Hai (02) vụ đối với các Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ mười hai (12) tháng đến mười tám (18) tháng. Bảo Việt không nhận bảo hiểm mất cắp bộ phận cho các Hợp đồng bảo hiểm dưới mười hai (12) tháng.
- Ba (03) vụ đối với các Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên mười tám (18) tháng.
- Mức khấu trừ áp dụng riêng cho điều khoản mất cắp bộ phận là hai mươi phần trăm (20%) số tiền bồi thường và không thấp hơn hai triệu đồng (2.000.000 đồng)/vụ.
- Khi bộ phận xe ô tô bị mất cắp, Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo ngay (trong vòng 24 giờ) cho cơ quan Công an và Bảo Việt để phối hợp xử lý. Đồng thời, cần thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan Công an và Bảo Việt, cũng như cung cấp cho Bảo Việt đơn trình báo mất cắp, mất cướp có xác nhận của cơ quan Công an.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 19. Bảo hiểm thanh toán chi phí thuê xe (BVVC04)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý thanh toán chi phí thuê xe ô tô để sử dụng trong thời gian xe sửa chữa do tai nạn thuộc trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể:

- Bảo Việt trả tiền thuê xe taxi để đi lại trong thời gian xe phải sửa chữa do tai nạn (có biên lai taxi theo ngày sử dụng thực tế và hóa đơn thuế giá trị gia tăng thể hiện tổng số tiền trong cả đợt thuê xe). Hoặc:
- Hóa đơn thuế giá trị gia tăng của bên cho thuê xe trong thời gian xe phải sửa chữa do tai nạn;
- Trong mọi trường hợp tổng số tiền bồi thường không vượt quá số tiền bảo hiểm trên ngày và số tiền bảo hiểm trên vụ;
- Mức khấu trừ trên vụ áp dụng đối với điều khoản Thanh toán chi phí thuê xe bằng Số tiền bảo hiểm trên ngày nhân với 03 ngày;

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 20. Bảo hiểm bồi thường theo giới hạn trách nhiệm (BVVC05)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, BẢO VIỆT đồng ý nhận bảo hiểm cho Người được bảo hiểm theo quy định sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định bồi thường thiệt hại bộ phận quy định tại tiết a, điểm 13.1.2, khoản 13.1 Điều 13 Quy tắc bảo hiểm này;
- Xe được bảo hiểm theo điều khoản “Bảo hiểm theo giới hạn trách nhiệm” được hiểu là xe ô tô được bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm thấp hơn Giá thị trường. Nhưng khi xảy ra thiệt

- hại thuộc phạm vi bảo hiểm được bồi thường như xe tham gia đúng Giá trị thực tế (đối với thiệt hại bộ phận) và bồi thường theo Số tiền bảo hiểm (đối với thiệt hại toàn bộ);
- Trong mọi trường hợp Số tiền bồi thường không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 21. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (BVVC06)

Với yêu cầu và việc chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, Bảo Việt đồng ý nhận bảo hiểm theo quy định sửa đổi, bổ sung sau:

- Hủy bỏ quy định loại trừ tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam tại Khoản 11.8 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm này.
- Bảo Việt sẽ bồi thường cho những thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, trong phạm vi các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia, và Thái Lan.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 22. Các điều khoản bổ sung khác

Ngoài các điều khoản bổ sung đã nêu, Bên mua bảo hiểm và Bảo Việt có thể thỏa thuận bằng văn bản để bảo hiểm theo các điều khoản riêng. Những điều khoản này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở: đưa xe hợp pháp, mất cắp chìa khóa. Việc này sẽ được thực hiện trên cơ sở chấp thuận của Bảo Việt, theo nguyên tắc: mở rộng phạm vi bảo hiểm sẽ tăng phí, và thu hẹp phạm vi bảo hiểm sẽ giảm phí. 



TỔNG GIÁM ĐỐC


Đoàn Việt Trang